

Võ Thị Kim Ph kiện Văn phòng Đăng
ký đất đai tỉnh Bình Dương về khiếu
kiện quyết định hành chính và hành vi
hành chính trong lĩnh vực đất đaiTÒA
ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 610/2023/DS-PT
Ngày 06 tháng 9 năm 2023
V/v: Tranh chấp thừa kế quyền
sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Mạnh Cường

Các Thẩm phán: Ông Vương Minh Tâm

Ông Đặng Văn Ý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án
nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đăng Ri - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 262/2023/TLPT-DS ngày 11 tháng 5 năm 2023 về “*Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2022/DS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2201/2023/QĐ-PT ngày 16 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Đình Ch, sinh năm 1941; địa chỉ cư trú: Ấp Vĩnh Y, xã Long Đ, thành phố Trà V, tỉnh Trà Vinh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Đình Ch: Bà Nguyễn Thị Thanh Ph, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Trà Vinh; có mặt

2. Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm: 1935 (chết ngày 12/02/2019); địa chỉ cư trú: Ấp Vĩnh Y, xã Long Đ, thành phố Trà V, tỉnh Trà Vinh.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Ch:

1. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Ấp Vĩnh Y, xã Long Đ, thành phố Trà V, tỉnh Trà Vinh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Nguyễn Văn H, sinh năm 1963; địa chỉ cư trú: Ấp Tân Ng, xã Lương Hòa A, huyện Châu Th, tỉnh Trà Vinh. có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Nguyễn Văn L, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: Ấp Vĩnh Y, xã Long Đ, thành phố Trà V, tỉnh Trà Vinh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Nguyễn Văn Th, sinh năm 1965; địa chỉ cư trú: Ấp Vĩnh Y, xã Long Đ, thành phố Trà V, tỉnh Trà Vinh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Nguyễn Văn D, sinh năm 1968; địa chỉ cư trú: Ấp Vĩnh Y, xã Long Đ, thành phố Trà V, tỉnh Trà Vinh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Kiên H, sinh năm 1957; địa chỉ cư trú: Số 166 Quang Tr, khóm 3, phường 1, thành phố Trà V, tỉnh Trà Vinh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

7. Nguyễn Văn Th, sinh năm 196; địa chỉ cư trú: Ấp Vĩnh Y, xã Long Đ, thành phố Trà V, tỉnh Trà Vinh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

8. Nguyễn Văn L, sinh năm 1973; địa chỉ cư trú: Ấp Vĩnh Y, xã Long Đ, thành phố Trà V, tỉnh Trà Vinh; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1947; địa chỉ cư trú: Ấp Vĩnh Y, xã Long Đ, thành phố Trà V, tỉnh Trà Vinh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn H: Ông Sơn Thái H, sinh năm 1960; địa chỉ cư trú: Số 132, khóm 6, phường 7, thành phố Trà V, tỉnh Trà Vinh; theo văn bản ủy quyền ngày 04/6/2022; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn H: Ông Nguyễn Văn N là Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn N thuộc Đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Ngọc Th, sinh năm 1952; địa chỉ cư trú: Số 258, ấp Long B, phường 4, thành phố Trà V, tỉnh Trà Vinh; vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1945; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1950; có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Bà Hồ Thị Ph, sinh năm 1960; vắng mặt.

5. Ông Nguyễn Phúc Tr, sinh năm 1980; có mặt.

6. Bà Nguyễn Phúc V, sinh năm 1982; vắng mặt.

7. Ông Nguyễn Phúc L, sinh năm 1986; có đơn xin xét xử vắng mặt.

8. Ông Nguyễn Phúc Ch, sinh năm 1988; vắng mặt.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Vĩnh Y, xã Long Đ, thành phố Trà V, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bà Hồ Thị P, ông Nguyễn Phúc Ch, ông Nguyễn Phúc V: Ông Sơn Thái H, sinh năm 1960; địa chỉ cư trú: Số 132 khóm 6, phường 7, thành phố Trà V, tỉnh Trà Vinh; là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 04/6/2022; có mặt.

9. Bà Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh năm 1941; có đơn xin xét xử vắng mặt.

10. Ông Nguyễn Đình D, sinh năm 1966; có đơn xin xét xử vắng mặt.

11. Bà Nguyễn Thị Kim D; sinh năm 1962; có đơn xin xét xử vắng mặt.

12. Bà Nguyễn Thị Kim L; có đơn xin xét xử vắng mặt.

13. Bà Nguyễn Thị Kim H; có đơn xin xét xử vắng mặt.

14. Bà Nguyễn Thị Hồng Ng; có đơn xin xét xử vắng mặt.

15. Bà Nguyễn Thị Kim Li, sinh năm 1977; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ cư trú: Số 132, khóm 6, phường 7, thành phố Trà V, tỉnh Trà Vinh.

16. Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1973; địa chỉ cư trú: Ấp Trì Ph, xã Hòa L, huyện Châu Th, tỉnh Trà Vinh.

17. Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: Alokkevej 26.5800 Nyborg Denmark; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn là ông Nguyễn Đình Ch và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Văn L có kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, vụ án có nội dung như sau:

Cụ Nguyễn Khắc M (chết năm 1964) và cụ Trần Thị Ng (chết năm 1995) có 07 người con gồm: Nguyễn Thị Ph (chết năm 1956), Nguyễn Thị Ch (chết năm 2019), Nguyễn Đình Ph (chết năm 2003), Nguyễn Đình Ch, Nguyễn Thị S, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị Th. Khi còn sống, cụ M và cụ Ng tạo lập được khối tài sản là quyền sử dụng đất gồm 12 công ruộng và hơn 07 công vườn (01 công bằng 1000m²). Sau khi cụ M qua đời, đến năm 1976 cụ Ng đã chia quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Đình Ch, ông Nguyễn Đình Ph mỗi người 02 công ruộng, 700m² đất vườn, bà Nguyễn Thị Ch 02 công ruộng, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị Th mỗi người 01 công ruộng và nửa công vườn. Còn lại hơn 04 công vườn và hơn 04 công ruộng giao cho ông Nguyễn Văn H quản lý vì ông H ở chung với cụ Ng. Năm 1995 cụ Ng qua đời. Năm 2002, ông Ch và bà Ch khởi kiện yêu cầu chia thừa kế toàn bộ di sản cụ

Ng giao cho ông Nguyễn Văn H quản lý (gồm đất ruộng và đất vườn). Tòa án đã công nhận phần đất vườn cho ông Nguyễn Văn H, riêng phần đất ruộng còn lại thực đo là 2.369m² thuộc thửa đất số 37, tờ bản đồ 30, loại đất quả tủa lạc tại ấp Vĩnh Y, xã Long Đ, thành phố Trà Vi, tỉnh Trà Vinh chưa được giải quyết và hiện do hộ ông Nguyễn Văn H đang quản lý, sử dụng. Nay ông Nguyễn Đình Ch, ông Nguyễn Văn L (*người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Ch*) yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất trên cho 07 người con của cụ Ng và cụ M mỗi người được hưởng diện tích 338,4m² đất.

Về phía ông Nguyễn Văn H thừa nhận diện tích đất tranh chấp là của cha mẹ để lại nhưng cho rằng cụ Ng đã cho ông từ năm 1976. Quá trình sử dụng đất, ông H thực hiện đăng ký kê khai hơn 40 năm nên ông H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời yêu cầu Tòa án công nhận cho ông được quyền sử dụng diện tích thực đo 2.369m² đất nêu trên.

Bà Nguyễn Thị Th và bà Nguyễn Thị S không đồng ý chia thừa kế cho 3 người là ông Nguyễn Đình Ch, bà Nguyễn Thị Ch và ông Nguyễn Văn H mà phải chia đều cho tất cả các đồng thừa kế. Riêng cá nhân bà Nguyễn Thị Th tự nguyện cho lại phần thừa kế mà bà được hưởng cho ông Nguyễn Văn H. Ông Trần Ngọc Th là con của bà Nguyễn Thị Ph yêu cầu được hưởng phần thừa kế của mẹ được hưởng. Các ông bà Nguyễn Thị Hồng Đ, Nguyễn Đình D, Nguyễn Thị Kim D, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Thị Hồng Ng, Nguyễn Thị Kim L là người thừa kế của ông Nguyễn Đình Ph đồng ý với yêu cầu của ông Nguyễn Văn H. Bà Hồ Thị Ph, ông Nguyễn Phúc Tr, ông Nguyễn Phúc V, ông Nguyễn Phúc L, ông Nguyễn Phúc Ch đồng ý với yêu cầu của ông Nguyễn Văn H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/DS-ST ngày 08/8/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đình Ch, bà Nguyễn Thị Ch (*người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Ch gồm ông Nguyễn Văn H, ông Kiên H, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn Th*) yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần diện tích đất thực đo 2.369m², thửa đất 37, tờ bản đồ số 30, loại đất LNK, tọa lạc ấp Vĩnh Y, xã Long Đ, thành phố Trà V, tỉnh Trà Vinh.

2. Công nhận phần diện tích đất thực đo 2.369m², thửa đất 37, tờ bản đồ số 30, loại đất LNK, tọa lạc ấp Vĩnh Y, xã Long Đ, thành phố Trà V cho ông Nguyễn Văn H. Ông Nguyễn Văn H được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp quyền sử dụng đất theo quyết định của Bản án này sau khi hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu có).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 22/8/2022, ông Nguyễn Đình Ch và ông Nguyễn Văn L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Đình Ch và ông Nguyễn Văn L giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất trên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Đình Ch trình bày: Diện tích đất thực đo 2.369m², thửa đất 37, tờ bản đồ số 30, loại đất LNK, tọa lạc ấp Vĩnh Y, xã Long Đ, thành phố Trà V có nguồn gốc của cụ M và cụ Ng để lại; hai cụ chết không để lại di chúc nên diện tích đất trên trở thành di sản thừa kế được phân chia theo pháp luật; ông H không xuất trình được chứng cứ đã được cụ Nguru cho. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất trên.

Ông Nguyễn Đình Ch và ông Nguyễn Văn L thống nhất với trình bày của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Ch.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn H trình bày: Vào năm 1976 cụ Ng đã hợp phân chia đất cho các con, diện tích đất tranh chấp được cụ Ng chia cho ông H, mặc dù không có văn bản xác nhận nhưng trên thực tế ông Ch cũng được phân chia và đã nhận đất sử dụng; sau khi các anh chị em được phân chia đất cũng đã đăng ký kê khai, không ai có khiếu nại. Vì vậy, cần xác định đất trên thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông H, từ đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và đương sự tham gia phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Ông H đã trực tiếp quản lý, sử dụng đất liên tục từ trước năm 1975, thực hiện đăng ký kê khai theo quy định pháp luật. Áp dụng Án lệ số 24/2018/AL ngày 17/10/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì đất tranh chấp không còn là di sản của cụ Ng mà thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông H. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Đình Ch và ông Nguyễn Văn L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Đình Ch và ông Nguyễn Văn L nộp trong thời hạn và đúng thủ tục luật định nên hợp lệ, do đó được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền và thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Đình Ch và Nguyễn Văn L:

[3.1] Năm 1995, ông Nguyễn Đình Ch khởi kiện tranh chấp yêu cầu ông Nguyễn Văn H chia thừa kế đối với quyền sử dụng 4.663,5m² đất vườn và diện tích đất 2.369m² đất ruộng nêu trên. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 76/2002/DS-PT ngày 10/12/2003, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh nhận định: Đối với diện tích đất vườn mà ông H được cụ Ng phân chia tại thời điểm đó có giá trị thấp hơn diện tích đất vườn ông Ch được chia; còn về diện tích đất ruộng thì tuy ông H đã chuyển mục đích sử dụng nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không tranh chấp tài sản trên đất nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân theo quy định tại Điều 38 Luật Đất đai và Thông tư liên tịch số 01/2002/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-TCĐC ngày 03/01/2002 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Cục địa chính; từ đó công nhận quyền sử dụng 4.663,5m² đất vườn cho ông H; đối với diện tích 2.369m² đất ruộng thì đình chỉ giải quyết vụ án và chuyển cho Ủy ban nhân dân thị xã Trà V giải quyết theo thẩm quyền. Đến năm 2007, ông Nguyễn Đình Ch và bà Nguyễn Thị Ch tiếp tục khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn H chia thừa kế đối với diện tích 2.369m² thuộc thửa đất số 37 nêu trên.

[3.2] Tại Tòa án cấp sơ thẩm, các ông bà Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị S, Trần Ngọc Th, Nguyễn Đình Ph và vợ con của ông Ph thừa nhận có sự việc phân chia quyền sử dụng đất trên của cụ Ng vào năm 1976. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Đình Ch thừa nhận thực tế ông đã được thụ hưởng 756m² đất vườn và 1.800m² công đất ruộng; còn ông Nguyễn Đình Ph hưởng 756m² đất vườn và 2.000m² đất ruộng; bà Nguyễn Thị Th hưởng 500m² đất vườn và 1.000m² đất ruộng; bà Nguyễn Thị S hưởng 676m² đất vườn và 1.000m² đất ruộng; ông Trần Ngọc Th (con bà Ph) hưởng 1.000m² đất ruộng (nhận tiền bồi hoàn), bà Nguyễn Thị Ch hưởng 2.350m² đất ruộng; tất cả các ông, bà đều đã đăng ký kê khai và được cấp quyền sử dụng đất; đối với diện tích đất vườn và đất ruộng còn lại do ông Nguyễn Văn H trực tiếp quản lý.

[3.3] Như vậy, mặc dù cụ Ng phân chia quyền sử dụng đất cho các người con không đồng đều, nhưng sau đó không có ai thắc mắc khiếu nại và cũng đã nhận đất, đăng ký kê khai, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại thời điểm phân chia đất năm 1976, cụ Ng đang ở với người con trai út là ông Nguyễn Văn H, nên việc ông H được cụ Ng chia diện tích đất nhiều hơn với mong muốn ông H thay mặt anh chị em thờ cúng cha mẹ, ông bà, tổ tiên là phù hợp với truyền thống, phong tục tập quán của người dân Nam Bộ.

Do đó, có cơ sở xác định diện tích đất tranh chấp đã được cụ Ng chia cho ông H.

[3.4] Sau khi được phân chia 2.369m² đất thuộc thửa 37, ông Nguyễn Văn H tiếp tục quản lý, sử dụng và đăng ký, kê khai, cụ thể: Năm 1983, ông H đăng ký, kê khai thửa 221 với diện tích 1.100m² và thửa 222 với diện tích 1.100m²; năm 1991, ông H đăng ký, kê khai thửa 338 với diện tích 840m², thửa 339 với diện tích 1060m² và thửa 340 với diện tích 320m²; năm 2004, ông H và bà Ph đăng ký hợp nhất thửa thành thửa 37 với diện tích 2.407,1m². Như vậy, thửa đất 37 đã được ông H đăng ký, kê khai, thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước qua các thời kỳ theo pháp luật đất đai năm 1987, năm 1993 và năm 2003.

[3.5] Hội đồng xét xử nhận thấy quyền sử dụng 2.369m² đất tranh chấp mặc dù có nguồn gốc của cụ Nguyễn Khắc M và cụ Trần Thị Ng nhưng trong quá trình sử dụng hai cụ không đăng ký kê khai, không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất đối với Nhà nước, đồng thời cụ Ng cũng không có các loại giấy tờ theo quy định tại khoản 1, 2 và 5 Điều 50 Luật đất đai năm 2003. Bên cạnh đó, trên thực tế cụ Ng cũng đã phân chia đất cho các con vào năm 1976 trong đó diện tích đất tranh chấp. Những tình tiết khách quan của vụ án này tương tự tình huống theo Án lệ số 24/2018/AL ngày 17/10/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Án lệ này xác định toàn bộ diện tích 2.369m² đất vườn thuộc thửa đất số 37, tờ bản đồ 30, tọa lạc tại ấp Vĩnh Y, xã Long Đ, thành phố Trà V, tỉnh Trà Vinh không còn là di sản của cụ Ngu và cụ Minh mà thuộc quyền sử dụng của gia đình ông H.

[3.6] Với các phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Đình Ch, ông Nguyễn Văn L và quan điểm của Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn; chấp nhận quan điểm của Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3.7] Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm của Kiểm sát viên là có căn cứ nên chấp nhận.

[3.8] Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Đình Ch được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật. Ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng: Điều 100, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Án lệ số 24/2018/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2018 và được công bố theo Quyết định 269/QĐ - CA ngày 06/11/2018 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Đình Ch, ông Nguyễn Văn L và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/DS-ST ngày 08/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh như sau:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đình Ch, bà Nguyễn Thị Ch (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Ch gồm ông Nguyễn Văn H, ông Kiên H, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn Th) về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với phần diện tích đất thực đo 2.369m² thuộc thửa đất số 37, tờ bản đồ số 30, loại đất LNK, tọa lạc ấp Vĩnh Y, xã Long Đ, thành phố Trà V, tỉnh Trà Vinh.

- Công nhận phần diện tích đất thực đo 2.369m² thuộc thửa đất số 37 tờ bản đồ số 30, loại đất LNK, tọa lạc ấp Vĩnh Y, xã Long Đ, thành phố Trà V cho ông Nguyễn Văn H, đất có tứ cận như sau:

Hướng Đông Bắc giáp đường đất, có chiều dài 78,3m.

Hướng Tây Nam giáp thửa 279 và thửa 220, có chiều dài 76,25m

Hướng Đông Nam giáp Vía hè đường Vũ Đình Liệu, có chiều dài 31,66m

Hướng Tây Bắc giáp thửa 292, có chiều dài 29,88m.

(Có Sơ đồ khu đất kèm theo)

Ông Nguyễn Văn H được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp quyền sử dụng đất theo quyết định của Bản án này sau khi hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu có).

- Về chi phí thẩm định tại chỗ, định giá và cung cấp thông tin tổng cộng là 7.200.691 đồng. Buộc ông Nguyễn Đình Ch, người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Ch (gồm ông Nguyễn Văn H, ông Kiên H, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn Th) phải chịu số tiền 7.200.691 đồng. Do ông Nguyễn Đình Ch đã nộp tạm ứng số tiền 9.503.000đồng nên người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Ch (gồm ông Nguyễn Văn H, ông Kiên H, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn Th) phải nộp số tiền 3.600.345

đồng để trả lại cho ông Ch. Ông Nguyễn Đình Ch được nhận lại số tiền tạm ứng chi phí còn dư là 2.302.309 đồng tại Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Về chi phí uỷ thác ra nước ngoài: Buộc ông Nguyễn Đình Ch, người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Ch (gồm ông Nguyễn Văn H, ông Kiên H, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn Th) phải chịu số tiền 200.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng mà ông Ch đã nộp 200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007272 ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh. Buộc người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Ch (gồm ông Nguyễn Văn H, ông Kiên H, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn Th) phải nộp số tiền 100.000 đồng để trả lại cho ông Ch. Hoàn trả cho ông Nguyễn Đình Ch số tiền tạm ứng 3.000.000 đồng theo biên lai số 0007273 ngày 19/10/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Ch, ông H, người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Ch (gồm ông Nguyễn Văn H, ông Kiên H, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn Th), ông Trần Ngọc Th không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông Nguyễn Đình Ch số tiền tạm ứng án phí là 8.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009249 ngày 09/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà V. Hoàn trả cho người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Ch (gồm ông Nguyễn Văn H, ông Kiên H, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn Th) số tiền tạm ứng án phí là 8.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009250 ngày 09/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà V.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Đình Ch được miễn. Ông Nguyễn Văn L phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012858 ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh; ông Nguyễn Văn L đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Các quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2022/DS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Trà Vinh (1);
- VKSND tỉnh Trà Vinh (1);
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh (1);
- Chi cục THADS tỉnh Trà Vinh (1);
- Đường sự (theo địa chỉ trong vụ án) ;
- Lưu VP (5), (NTTP)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Mạnh Cường